

Bản án số: 307/2017/DS-ST.

Ngày: 14/7/2017

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2017/QĐXX-ST ngày 30 tháng 5 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 116/2017/QĐST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng V

Địa chỉ: đường H, phường N, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M (có mặt)

(Giấy ủy quyền ngày 25/11/2016)

2. Bị đơn: Bà Dương Thị N (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 11 năm 2016 và bản tự khai ngày 07/03/2017, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 05.5.2014 bà Dương Thị N ký với Ngân hàng V hợp đồng tín dụng số 20140505-500000-0056 số tiền vay là 42.000.000 đồng, lãi suất 3.75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Phương thức cho vay là cho vay trả góp, mỗi tháng trả 2.145.000 đồng, tháng cuối cùng trả 2.143.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng. Trả vào ngày 08 hàng tháng, ngày bắt đầu trả là ngày 08.6.2014. Theo như thỏa thuận thì bà N phải thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng gốc và lãi số tiền 77.218.000 đồng, tính đến ngày 25.2.2016 bà N đã thanh toán cho Ngân hàng được tổng cộng 45.255.000 đồng, trong đó tiền gốc 17.730.144 đồng, tiền lãi 27.524.856 đồng, sau đó thì bà N không thanh toán nữa mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu bà N thanh toán.

Do đó, Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu bà Dương Thị N trả số tiền nợ gốc đến hạn là 12.935.398 đồng, lãi từ ngày 08/03/2016 đến ngày 08/11/2016 là 6.159.602 đồng. Nợ gốc chưa đến hạn là 11.334.458 đồng, tổng cộng số tiền gốc đến hạn, chưa đến hạn và tiền lãi bà N phải thanh toán là 30.429.458 đồng.

Về phía bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Dương Thị N vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H cho rằng yêu cầu của Ngân hàng là hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Hóc M quyết định đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng V và bà Dương Thị N là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn trong vụ án hiện cư trú tại huyện H, căn cứ vào khoản 14 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà N có trách nhiệm thanh toán một lần số tiền nợ gốc đến hạn là 12.935.398 đồng, lãi từ ngày 08/03/2016 đến ngày 08/11/2016 là 6.159.602 đồng. Nợ gốc chưa đến hạn là 11.334.458 đồng, tổng cộng số tiền gốc đến hạn, chưa đến hạn là 24.269.856 và tiền lãi bà N phải thanh toán là 6.159.602 đồng. Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực. Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 05.5.2014 giữa Ngân hàng và bà N có ký kết hợp đồng số 20140505-500000-0056, Ngân hàng cho bà N vay số tiền 42.000.000 đồng để tiêu dùng cá nhân, lãi suất 3,75%/tháng, tổng cộng số tiền bà N phải trả cho Ngân hàng gốc và lãi là 77.218.000 đồng. Tính đến ngày 25.02.2016 bà N đã trả cho Ngân hàng số tiền gốc 17.730.144 đồng, tiền lãi 27.524.856 đồng. Do đó,

bà N còn nợ lại Ngân hàng số tiền gốc là 24.269.856 đồng. Vì vậy, yêu cầu này của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận.

Đối với số tiền lãi, các bên thỏa thuận lãi suất 3,75%/tháng, đại diện nguyên đơn yêu cầu bà N có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn từ ngày 08/03/2016 đến ngày 08/11/2016 số tiền lãi là 6.159.602 đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, yêu cầu tính lãi này của nguyên đơn được chấp nhận.

Xét ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa cho rằng yêu cầu của nguyên đơn là hợp lý, phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận. Ý kiến này của Viện kiểm sát trùng khớp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm bà N phải chịu theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà Dương Thị N có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tổng cộng số tiền là 30.429.458 đồng, trong đó số tiền gốc là 24.269.856 đồng, tiền lãi là 6.159.602 đồng. Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dương Thị N chịu 1.521.473 đồng. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho Ngân hàng V số tiền 760.736 đồng, theo biên lai thu số 0029981 ngày 05/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSNDHH;
- THA DS HH;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Phụng